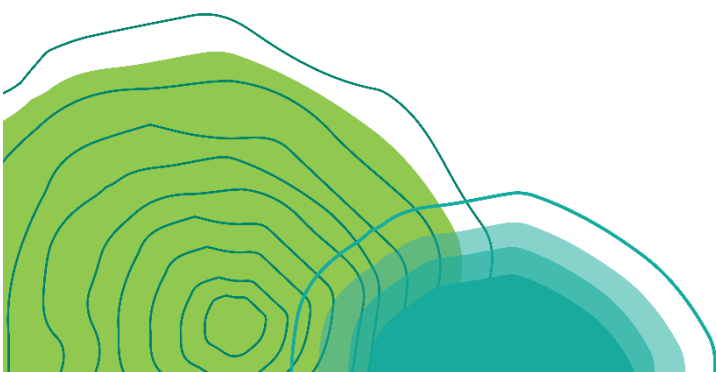




Xuất bản bởi
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



MỘT SỐ MÔ HÌNH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG TIÊU BIỂU TẠI VIỆT NAM



Thông tin xuất bản

Tài liệu được xuất bản bởi

Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) GmbH;

Thay mặt

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Cộng hòa Liên bang Đức (BMZ)

Dự án

Nhân rộng quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại Việt Nam (SFM)

Dự án được đồng thực hiện bởi Ban quản lý Các dự án Lâm nghiệp (thuộc Bộ NN&PTNN) và GIZ

Giám đốc dự án: Ông Phạm Hồng Vích (Ban quản lý Các dự án Lâm nghiệp)

Cố vấn trưởng dự án: Anja Barth (GIZ)

Văn phòng đăng ký

Bonn và Eschborn, Cộng hòa liên bang Đức

Thời gian

Tháng 6 năm 2023

Tác giả

PGS.TS. Phùng Văn Khoa

TS. Đặng Thịnh Triều

Chịu trách nhiệm

Anja Barth

Cố vấn trưởng Dự án

Tuyên bố

Những kết quả trong tài liệu này dựa trên thông tin do GIZ và các chuyên gia tư vấn, đối tác và cộng tác viên thu thập. Chúng không đại diện cho quan điểm của GIZ hay BMZ. Cả GIZ và BMZ đều không đảm bảo tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin trong tài liệu này và không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc tổn thất nào do việc sử dụng tài liệu này.

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt	4
1. Giới thiệu	6
2. Một số mô hình quản lý rừng bền vững tiêu biểu tại Việt Nam	7
2.1. Vị trí của các chủ rừng trên bản đồ Việt Nam.....	7
2.2. QLRBV tại Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp Yên Thế.....	8
2.3. LRBV tại Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh.....	12
2.4. QLRBV tại Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị.....	16
2.5. QLRBV tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tiền Phong.....	20
2.6. QLRBV tại Hội chủ rừng PTBV tỉnh Thừa Thiên Huế.....	23
2.7. QLRBV tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn.....	26
3. Một số khó khăn khi thực hiện QLRBV & CCR	31
4. Bài học kinh nghiệm	33
5. Kiến nghị	34
Tài liệu tham khảo.....	35

Danh mục các từ viết tắt

BMZ	Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức
BQL	Ban quản lý
BVTV	Bảo vệ thực vật
CCR	Chứng chỉ rừng
CoC	Chuỗi hành trình sản phẩm
DKTI	Quỹ Khí hậu và Công nghệ Đức
EU	Liên minh châu Âu
FOSDA	Hội chủ rừng phát triển bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế
FSC	Hội đồng Quản lý Rừng
GIZ	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức
GNSS	Hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu
GPS	Hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu
HGD	Hộ gia đình
HTV	Hai thành viên
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MBFP	Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp
MCNV	Ủy ban Y tế Hà Lan – Việt Nam
MTN	Một thành viên
PROSPER	Dự án Thúc đẩy quan hệ đối tác bền vững giữa chủ rừng nhóm hộ gia đình và doanh nghiệp trong thực hiện quản lý rừng bền vững nhằm ứng phó biến đổi khí hậu
PTBV	Phát triển bền vững
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
REDD	Giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng
SFM	Dự án Nhân rộng quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại Việt Nam
TBKT	Tiến bộ kỹ thuật
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân
UN	Liên hợp quốc
WWF	Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới

Danh mục các hình ảnh

Hình 1: Vị trí của các chủ rừng trên bản đồ Việt Nam	7
Hình 2: Rừng trồng Keo lai cung cấp gỗ lớn tại CT THHH HTV LN Yên Thế.....	8
Hình 3: Mô hình hợp tác trong sản xuất của Công ty Yên Thế	10
Hình 4: Khu phục hồi sinh thái tại Cty. THHH HTV LN Yên Thế	Error! Bookmark not defined.
Hình 5: Bản Năng Cát dưới chân núi Pù Rìng – BQL RPH Lang Chánh	14
Hình 6: Rừng trồng 9 tuổi của hội viên Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị.....	17
Hình 7: Tập huấn QLVR rừng tại Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị.....	18
Hình 8: Hoạt động của Phần mềm quản lý rừng của Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị	19
Hình 9: Cây bản địa trồng dưới tán rừng Thông của Cty. TNHH MTV LN Tiền Phong .	21
Hình 10: Phòng nuôi cấy mô của Cty. THHHNN MTV LN Tiền Phong.....	22
Hình 11: Rừng trồng của hội viên TTH-FOSDA.....	25
Hình 12: Đánh giá sinh trưởng rừng trồng gỗ lớn của Cty. TNHH LN Quy Nhơn	28
Hình 13: Mô hình chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn của Cty. TNHH LN Quy Nhơn.....	28
Hình 14: Mô hình kinh doanh và thu hút đầu tư của Cty. TNHH MTV LN Quy Nhơn	29



1. Giới thiệu

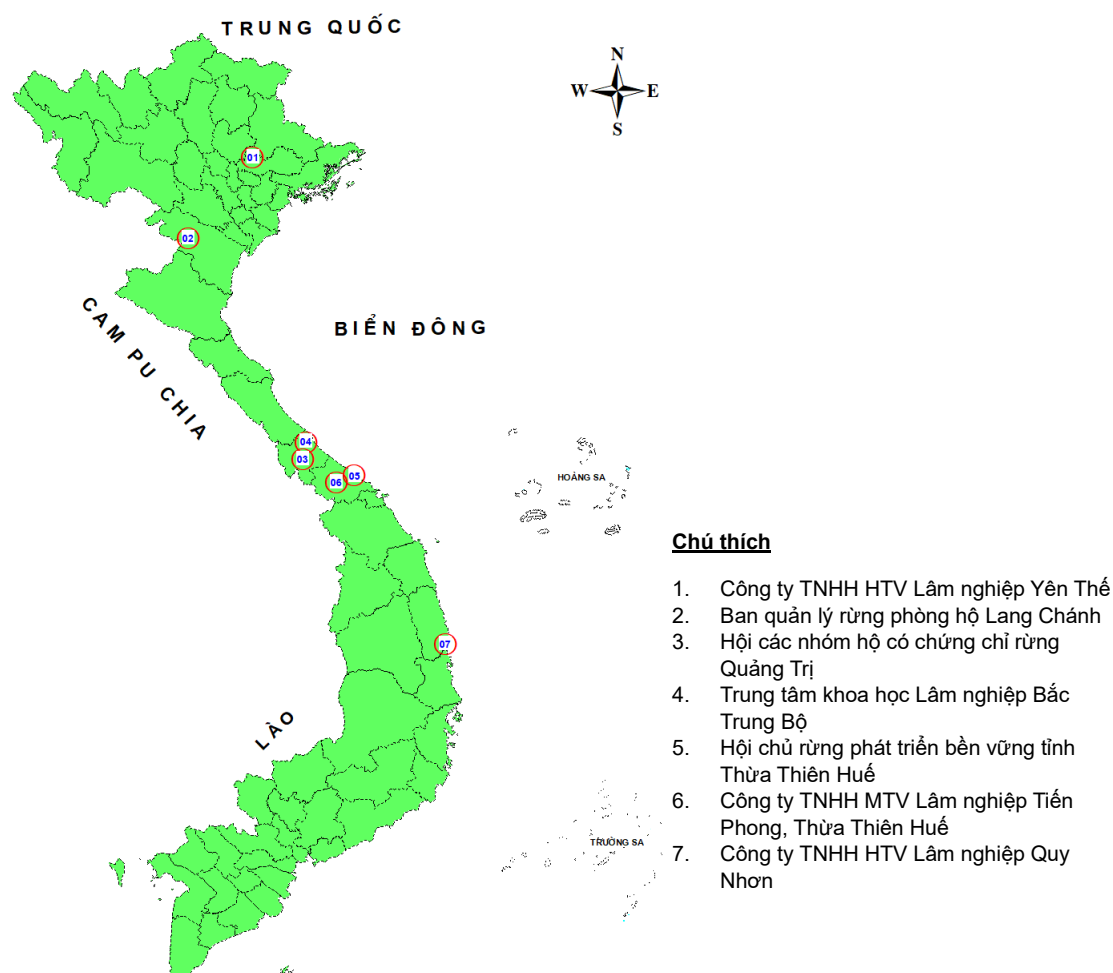
Dự án “Nhân rộng quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại Việt Nam (SFM)” được tài trợ bởi Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) thông qua Quỹ Khí hậu và Công nghệ Đức (DKTI) và được đồng thực hiện bởi Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp (MBFP) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD) và Cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ).

Mục tiêu tổng thể của dự án là: "Chuẩn bị các điều kiện để các chủ rừng sẵn sàng chuyển đổi sang quá trình quản lý rừng bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, thân thiện với môi trường."

Tài liệu này là một trong những kết quả của Dự án, nhằm phát triển ấn phẩm truyền thông và nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi sang quản lý rừng bền vững và đạt được chứng chỉ rừng, để khuyến khích thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Tài liệu sẽ giới thiệu một số chủ rừng tiêu biểu trong việc thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng ở Việt Nam dưới góc độ về Kỹ thuật lâm sinh; Vườn ươm; Đổi mới kinh doanh và Thu hút tài chính; Nâng cao năng lực; Hợp tác kinh doanh; Bình đẳng giới và Chia sẻ lợi ích. Bên cạnh đó, các bài học kinh nghiệm và các khuyến nghị cũng được đề cập trong tài liệu này.

2. Một số mô hình quản lý rừng bền vững tiêu biểu tại Việt Nam

2.1. Vị trí của các chủ rừng trên bản đồ Việt Nam



Hình 1: Vị trí của các chủ rừng trên bản đồ Việt Nam

2.2. QLRBV tại Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp Yên Thế¹

2.2.1. Thông tin chung

- **Địa chỉ:** Số 227, Đèo Nấm, thị trấn Cầu Gồ, Yên Thế, Bắc Giang.
- **Điện thoại:** 02043876263.
- **Web site:** <http://lamnghiepyenthe.com>
- **Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:**

Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu giống cây trồng; Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật lâm nghiệp vào sản xuất.

- **Diện tích đất quản lý:** 2.341ha đất rừng sản xuất
- **Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng:**

Năm 2015, Công ty bắt đầu cam kết thực hiện chứng chỉ rừng (CCR) theo tiêu chuẩn FSC. Năm 2016 toàn bộ diện tích rừng trồng của Công ty với hơn 2.300 ha đã được cấp chứng chỉ. Phương án quản lý rừng bền vững của Công ty được phê duyệt năm 2021.



Ảnh: Hoàng Minh Chúc và Nguyễn Văn Nam cung cấp

Hình 2: Rừng trồng Keo lai cung cấp gỗ lớn tại CT TNHH HTV LN Yên Thế

¹ Thông tin và hình ảnh do ông Hoàng Minh Chúc và Nguyễn Văn Nam cung cấp và tham khảo từ <http://lamnghiepyenthe.com>.

2.2.2. Một số hoạt động của nổi bật

2.2.2.1. Kỹ thuật lâm sinh

Một số biện pháp kỹ thuật lâm sinh được áp dụng như sau

Việc xử lý mầm nấm bệnh được thực hiện ngay từ đầu bằng cách nghiền nhỏ đất và phơi ải. Trước khi cắm hom hoặc cấy cây, gieo hạt thì tưới nước pha thuốc tím 0,1%; sử dụng hệ thống tưới tự động để tiết kiệm nước; chỉ sử dụng các chế phẩm sinh học.

Trước đây, sử dụng thuốc diệt cỏ và đốt thực bì toàn diện. Hiện nay, phát thực bì thủ công, sau đó rải đều (nơi ít thực bì) hoặc gom (nơi nhiều) và đốt có kiểm soát theo băng hoặc đám. Sau khi cuốc hố, bón lót và lấp đất ngay để hạn chế xói mòn.

Chỉ bón phân vi sinh (0,2 kg/hố). Trồng nhiều dòng hoặc giống trên 1 lô để hạn chế sâu bệnh. Tùy mục đích kinh doanh và lập địa, mật độ dao động từ 1.600 -1.800 cây/ha (đất xấu thì trồng dày, kinh doanh gỗ nhỏ, luân kỳ khai thác 6-8 năm; đất tốt trồng thưa, kinh doanh gỗ lớn, luân kỳ khai thác > 10 năm). Sau 3 năm, rừng khép tán, tạo lớp phủ chống xói mòn đất.

Không tỉa thưa. Dự kiến khi khai thác, mật độ còn lại từ 1.300-1.400 (luân kỳ ≤ 8 năm); 1.000 – 1.100 cây/ha (luân kỳ ≤ 10 năm) và khoảng 900 cây/ha (luân kỳ ≤ 15 năm). Khoảng 30% diện tích rừng trồng cung cấp gỗ lớn và 70% rừng trồng cung cấp gỗ nhỏ.

Khai thác được lên kế hoạch sao cho trồng rừng sớm nhất để hạn chế xói mòn, rửa trôi.

Áp dụng biện pháp khác thác tác động thấp như: Quy mô khai thác <5ha; sử dụng bảo hộ lao động theo tiêu chuẩn; sử dụng lao động theo quy định pháp luật; không để dầu máy rơi rớt; hạn chế làm đường vận xuất trên lô; Do địa hình không phù hợp cho việc dùng ròng rọc, dùng trâu kéo gỗ thay vì dùng máng lao để hạn chế xói mòn.

2.2.2.2. Nghiên cứu, chọn giống tốt cho trồng rừng

Công ty ty hợp tác với Viện Giống và Công nghệ sinh học và Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy để nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thử các dòng, giống mới như Keo lai AH1; BV523; Keo tam bội và phục tráng các dòng, giống cũ nhưng có năng suất chất lượng tốt như BV10, BV16 và Keo tai tượng của vườn giống vô tính thế hệ 1,5. Các giống tốt trên được Công ty sử dụng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng.

2.2.2.3. Đổi mới mô hình kinh doanh và tài chính

Công ty ty hợp tác với Viện Giống và Công nghệ sinh học và Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy để nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất thử các dòng, giống mới như Keo lai AH1; BV523; Keo tam bội và phục tráng các dòng, giống cũ nhưng có năng suất chất lượng tốt như BV10, BV16 và Keo tai tượng của vườn giống vô tính thế hệ 1,5. Các giống tốt trên được Công ty sử dụng nhằm nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng.

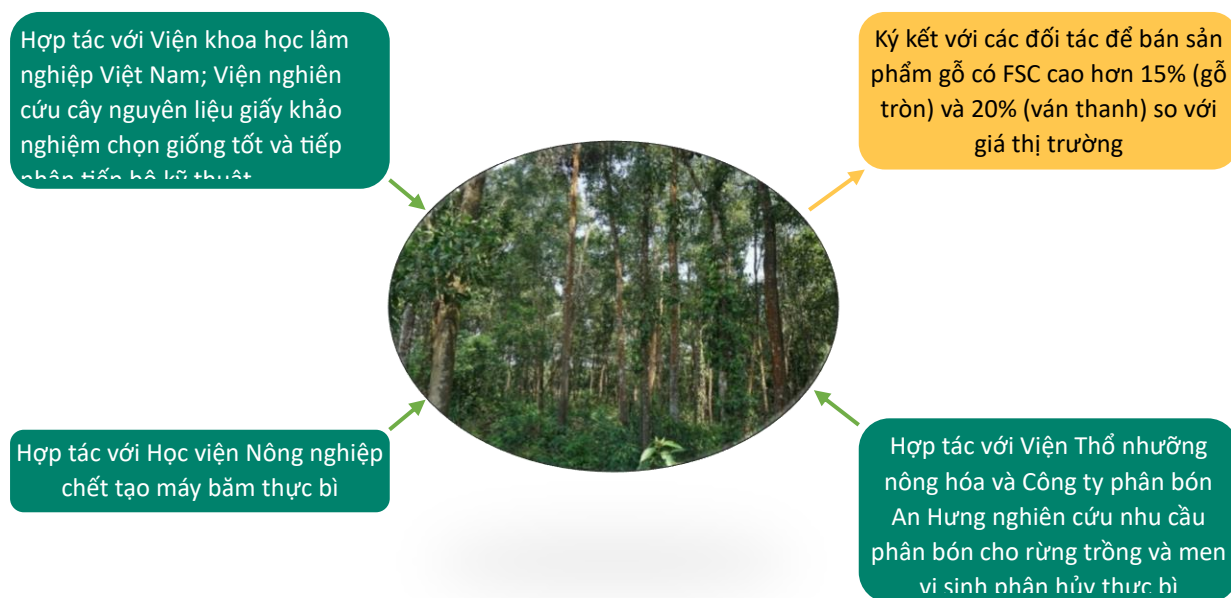
2.2.2.4. Phát triển nguồn nhân lực và chuyển đổi số

Hơn 30 người trong lượng bảo vệ rừng được tham gia đào tạo, tập huấn nghiệp vụ do công an và Chi cục Kiểm lâm tổ chức. Công ty đã cùng 9 UBND xã trên địa bàn; Đài phát thanh truyền hình huyện Yên Thế; Hạt Kiểm lâm huyện Yên Thế, xây dựng và ký kết Kế hoạch phối hợp tuyên truyền quản lý bảo vệ rừng và đất rừng.

Xây dựng website, tất cả các tài liệu về quy trình, quy phạm kỹ thuật; Chính sách pháp luật; Quản lý, giao dịch, kinh doanh và Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng được đưa lên website để cán bộ nhân viên tham khảo thực hiện. Xây dựng bản đồ số trên MapInfor, Microstation, kết nối Phần mềm định vị vệ tinh và cài đặt trên Smartphone cho cán bộ, người lao động. Trang bị máy định vị vệ tinh GNSS, GPS và flycam để theo dõi, cập nhật, quản lý chặt chẽ, nhanh, chính xác, giảm được nhiều chi phí.

2.2.2.5. Hợp tác với các bên liên quan

Công ty đã phối hợp, ký kết với một số đối tác để nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng và đảm bảo đầu ra cho các phẩm gỗ (Hình 3).



Ảnh: Hoàng Minh Chúc và Nguyễn Văn Nam cung cấp

Hình 3: Mô hình hợp tác trong sản xuất của Công ty Yên Thế

2.2.2.6. Chia sẻ lợi ích

Khoảng 60% diện tích rừng trồng được khoán cho các HGD trên địa bàn. Công ty đầu tư cây giống, phân bón, bảo vệ rừng và tư vấn kỹ thuật; HGD góp công trồng và chăm sóc. Khi khai thác HGD hưởng 70% và Công ty hưởng 30% doanh thu từ gỗ.

Hỗ trợ một phần kinh phí cho các thôn của 9 xã trên địa bàn xây nhà văn hóa. Tham gia với chính quyền địa phương trong các hoạt động như Tết vì người nghèo; Tặng quà gia đình có hoàn cảnh khó khăn; Tặng cây bóng mát cho nhà văn hóa, trường học và trụ sở ủy ban các xã. Hỗ trợ kinh phí cho các Hội nông dân; Hội người cao tuổi; Hội cựu chiến binh. Phát cây giống mới miễn phí để giới thiệu cho người dân học tập, nhân rộng mô hình. Kinh phí cho các hoạt động trên khoảng 100 triệu đồng/năm. Cho phép tham quan miễn phí các mô hình trồng rừng cũng như cho phép du lịch, pic-nic trên địa bàn đất và rừng Công ty quản lý.

2.2.3. Một số kết quả chính đạt được

- Kinh tế

Năng suất rừng trồng của Công ty luôn ổn định, thậm chí cao hơn sau các luân kỳ. Hiện nay, trung bình năng suất đạt 25 m³/ha/năm.

Sản phẩm của Công ty được đa dạng hóa, ban đầu chỉ cung cấp gỗ trụ mỏ và ván dăm, hiện nay có thêm cả sản phẩm gỗ bóc, gỗ xẻ thanh và gỗ đóng đồ gia dụng.

Vốn của Công ty chủ động bảo toàn và không ngừng nâng lên. Thu nhập của người lao động luôn được cải thiện qua các năm và nằm trong nhóm doanh nghiệp có thu nhập cao nhất cùng với một số đơn vị kinh doanh thương mại trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.



Ảnh: Ngô Văn Trọng cung cấp

Hình 4: Khu phục hồi sinh thái tại Cty. THHH HTV LN Yên Thế

- Xã hội

Công ty đã góp phần tạo việc làm cho cả lao động nữ và nam của 1.100 hộ gia đình qua việc khoán trồng rừng; Xây dựng mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương trong việc quản lý, bảo vệ rừng cũng như thực hiện các công tác xã hội, từ thiện trên địa bàn. Ngược lại, các hộ gia đình nhận khoán và nhân lực lao động địa phương cũng giúp Công ty đảm bảo tiến độ sản xuất, hỗ trợ trong việc phòng và chữa cháy rừng và bảo vệ tài sản của Công ty. Chính quyền địa phương cũng phối hợp cùng với Công ty giải quyết khi có tranh chấp hoặc các vụ việc vi phạm trong công tác bảo vệ rừng. Trật tự, an ninh trên địa bàn luôn đảm bảo, không có hiện tượng tranh chấp,

xâm lấn đất đai. Tài sản của Công ty được bảo vệ tốt. An toàn trong lao động cũng được duy trì tốt trong nhiều năm qua.

- Môi trường

Độ che phủ rừng của Công ty luôn đạt trên 90%, vì vậy hạn chế được xói mòn đất. Công ty cũng dành khoảng 10% diện tích, đặc biệt nơi khe suối để phục hồi rừng tự nhiên và nâng cao đa dạng sinh học.

2.3. QLRBV tại Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh²

2.3.1. Thông tin chung

- **Địa chỉ:** Phố Chí Linh - TT Lang Chánh - Lang Chánh - Thanh Hóa.
- **Điện thoại:** 0373.874.027.
- **Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:** Quản lý bảo vệ rừng và đất rừng; Tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh nghề rừng; Khai thác, chế biến gỗ, sử dụng rừng.
- **Diện tích đất quản lý:** 10.292,14 ha, trong đó:
 - o Rừng tự nhiên: 8.343,25 ha (rừng tự nhiên phòng hộ: 5.864,48 ha; rừng tự nhiên sản xuất: 2.478,77 ha)
 - o Rừng trồng: 1.855,77 ha (rừng trồng phòng hộ: 684,95 ha; rừng trồng sản xuất: 1.170,82 ha)
 - o Đất sản xuất nông nghiệp: 27,54 ha
 - o Đất khác (giao thông; sông, suối; công trình xây dựng ..): 65,58 ha .
- **Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng**

Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh bắt đầu xây dựng PA QLRVB và chứng chỉ rừng từ tháng 6 năm 2018 với sự hỗ trợ của Dự án hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng thực hiện dự án REED+ ở Việt Nam trong khuôn khổ Chương trình UN-REDD. Đến tháng 7 năm 2019, phương án QLRBV của BQL với diện tích 10.292,14 ha và tháng 11 năm 2019, toàn bộ diện tích trên được cấp chứng chỉ FSC có giá trị đến năm 2024.

2.3.2. Một số hoạt động tiêu biểu

2.3.2.1. Khoán đất trồng rừng cho các hộ gia đình

- Diện tích đất rừng trồng sản xuất:

BQL không tổ chức sản xuất mà khoán cho các HGD trên địa bàn qua Hợp đồng giao khoán. Thời hạn khoán theo chu kỳ cây trồng, nhưng không quá 20 năm. Người nhận

² Thông tin và hình ảnh do ông Ngô Văn Trọng cung cấp và tham khảo từ Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh.

khoán tự bỏ kinh phí, tổ chức trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác và được hưởng lợi toàn bộ sản phẩm trên diện tích giao khoán sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính gồm: số tiền tương đương 80 kg thóc/ha/chu kỳ và phí quản lý, dịch vụ từ 7-10% giá trị bình quân thu được của diện tích nhận khoán sau khai thác đã trừ chi phí. Trong trường hợp bị thiên tai, rủi ro bất khả kháng bên nhận khoán được xem xét miễn giảm phần nghĩa vụ tài chính phải nộp cho bên A. Người nhận khoán phải thực hiện theo đúng nội dung, quy trình, quy phạm kỹ thuật và sự chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát của BQL. Trước khi trồng rừng, người nhận khoán được BQL tập huấn phương pháp, nội dung về quy trình trồng, chăm sóc, khai thác tác động thấp, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Sản phẩm khai thác, bên nhận khoán bán cho BQL theo giá thị trường tại thời điểm khai thác.

- Diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất và rừng phòng hộ:

Hiện nay, BQL ký hợp đồng khoán với các HGĐ theo hàng năm, người nhận khoán hưởng lợi từ tiền bảo vệ rừng với 300.000 đ/ha/năm từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

2.3.2.2. Kỹ thuật lâm sinh

- Diện tích đất rừng trồng sản xuất:

Trồng Keo lai (giống hom hoặc mô). Phát thực bì toàn diện, cành nhánh băm nhỏ và dồn thành dải rộng 2-3 m, cự ly 5-6 m, sau đó đốt lần lượt từng dải. Cuốc hố 30 cm x 30 cm x 30 cm. Bón lót 0,1 kg/hố phân NPK (5:10:3). Mật độ 1.600 cây/ha. Chăm sóc 4 năm với 2 lần/năm bằng phát thực bì. Không áp dụng tỉa thưa. Luân kỳ khai thác 6-7 năm gỗ nhỏ, gỗ lớn > 10 năm. Áp dụng biện pháp khai thác tác động thấp (theo tiêu chuẩn FSC); Khai thác cơ giới kết hợp với thủ công, dùng cưa xăng chặt hạ, cắt khúc những cây gỗ có đường kính lớn, kết hợp dùng cưa đơn, rìu, dao năm chặt cành, cắt khúc và chặt hạ những cây có đường kính nhỏ; Chiều cao gốc chặt: Gốc chặt cách mặt đất không quá 1 lần đường kính cây chặt ở vị trí $D_{1,3}$; Cây chặt xong thì cắt cành, cắt khúc, vận xuất ra khỏi lô tập kết ra bãi I. Không khai thác cây trồng có tên trùng với cây rừng tự nhiên.

- Diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất:

Các biện pháp lâm sinh áp dụng là trồng làm giàu rừng hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, trồng làm giàu rừng bằng các loài có giá trị kinh tế như: Lát Hoa, Lim xanh, Giổi, Re, Gáo vàng, Giẻ, Quế, Gió bầu, Sưa vv... Trồng những nơi có khoảng trống từ 1000 m² đến dưới 3000 m². Trước khi trồng phát dọn dây leo bụi rậm, tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến cây gỗ, cây tái mục đích và các loại lâm sản khác, hạn chế tối đa việc

làm ảnh hưởng đến tính đa dạng sinh học của khu rừng. Cuốc hố 30 cm x 30 cm x 30cm. Mật độ tối đa 500 cây/ha. Chăm sóc từ 3 - 6 năm sau khi trồng tùy từng loài. Mỗi năm chăm sóc ít nhất 02 lần gồm trồng dặm, phát dây leo, cỏ dại, vun xới đất xung quanh gốc đường kính từ 0,6 m.

2.3.2.3. Đổi mới mô hình kinh doanh và thu hút đầu tư

Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh đổi mới kinh doanh và thu hút đầu tư bằng cách đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh rừng để nâng cao hiệu quả sản xuất, đạt mục tiêu bền vững cả kinh tế, xã hội và môi trường. Cụ thể, BQL đang cung ứng dịch vụ môi trường rừng là cung cấp nguồn nước cho nhà máy thủy điện Trí Nang với số tiền chi trả khoảng 200 – 400 triệu đồng/năm. Ngoài ra BQL cũng đã xây dựng kế hoạch đánh giá khả năng lưu trữ các bon rừng để hướng tới cung cấp dịch vụ các bon rừng; xây dựng kế hoạch kinh doanh du lịch tại thác Hón Lối thu hút 100 nghìn người/năm; xây dựng kế hoạch cung ứng nguồn nước để nuôi cá nước lạnh như cá Hồi vân, cá Tầm với sản lượng 10 - 40 tấn/năm. Xưởng chế biến gỗ thuộc BQL đang hoạt động nhằm tiêu thụ sản phẩm gỗ của người nhận khoán và của nhân dân trong vùng với công suất 20.000 m³ gỗ nguyên liệu/năm

2.3.2.4. Hợp tác với các bên

Ban quản lý ký hợp đồng mua bán sản phẩm với một số đối tác như Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Thuận Thành (Nam Định), Chi nhánh Công ty cổ phần TCT Việt Nam - Nhà máy chế biến gỗ Như Xuân, Công ty TNHH Triệu Thái Sơn vv...



Ảnh: Ngô Văn Trọng cung cấp

Hình 5: Bàn Năng Cát dưới chân núi Pù Rìng – BQL RPH Lang Chánh

2.3.2.5. Chia sẻ lợi ích

Toàn bộ diện tích 8.343,25 ha rừng tự nhiên và 684,95 ha rừng trồng phòng hộ được khoán cho gần 300 cộng đồng, hộ hoặc nhóm hộ gia đình, cá nhân quản lý bảo vệ. Tổng kinh phí người nhận khoán được nhận khoảng 2,7 tỷ đồng/năm từ ngân sách nhà nước. BQL đã tạo việc làm cho trên 100 hộ gia đình thông qua hợp đồng giao khoán diện tích rừng trồng sản xuất với 1.170,82 ha

Tùy từng năm, BQL cũng hỗ trợ xây nhà văn hóa cho các thôn; xây dựng nông thôn mới; ủng hộ các quỹ bảo trợ xã hội ở địa phương; ủng hộ đồng bào khi bị lũ lụt, thiên tai và hỗ trợ đào tạo kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng. Tổng kinh phí cho các hoạt động này khoảng trên 10 triệu đồng/năm.

2.3.3. Một số kết quả chính đạt được

- Kinh tế

Với việc quản lý, bảo vệ rừng tốt, nguồn thu từ dịch vụ cung cấp nước đạt 200 – 400 triệu đồng/năm. Trước đây, rừng trồng Keo tai tượng, năng suất đạt 80-150 tấn/ha/luân kỳ (6 - 7 năm). Từ năm 2020, bắt đầu trồng Keo lai mô và áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn FSC nên cây sinh trưởng tốt hơn, dự kiến đạt từ 100-180 tấn/ha/luân kỳ.

- Xã hội

Qua các hợp đồng giao khoán, trên 400 HGD trên địa bàn đã được hưởng lợi từ việc trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng của BQL. Khoảng 6.800 hộ dân trong vùng được hưởng lợi trong việc cung cấp và điều tiết nước sản xuất và sinh hoạt. Nước từ rừng của BQL đã được cung cấp cho nhà máy thủy điện Trí Nang với công suất 6 MW. Thông qua hướng dẫn, tập huấn về QLRBV và CCR, nhận thức của người dân về vấn đề hài hòa giữa kinh tế, môi trường và xã hội được nâng lên, đặc biệt các hộ nhận khoán. Xưởng chế biến lâm sản của BQL tại thị trấn Lang Chánh cũng đóng góp vào ngân sách địa phương khoảng 1 tỷ/năm. Rừng thuộc BQL có nhiều điểm danh lam thắng cảnh, hàng năm thu hút hơn 100 nghìn người tới tham quan, nghỉ mát.

- Môi trường

BQL đã bảo vệ tốt 8.343,25 ha rừng tự nhiên hiện có. Độ che phủ của đất rừng sản xuất luôn đạt trên 95%. Từ đó, rừng của BQL đã góp phần cung cấp, điều tiết nước cho 1.769 ha đất sản xuất của 7 xã thuộc huyện Lang Chánh và các huyện lân cận. Cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng cũng được đảm bảo và hạn chế tác động xấu tới môi trường trong quá trình sản xuất lâm nghiệp.

2.4. QLRBV tại Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị³

2.4.1. Thông tin chung

– **Địa chỉ:** Số 39 – Trần Hưng Đạo – TP. Đông Hà – Quảng Trị

– **Web site:** <http://hccrquangtri.org/>

– **Mục tiêu và hoạt động của Hội:**

Duy trì bền vững CCR và tăng diện tích được cấp CC thông qua: Quản lý hoạt động lâm nghiệp của những thành viên tham gia CCR; Định hướng/nâng cao nhận thức cho người dân trong QLRGB đạt CCR; Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong kinh doanh rừng trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao, bảo vệ, phát triển rừng tự nhiên và khai thác bền vững LSNG; Nâng cao nhận thức và tuân thủ các hoạt động bảo vệ môi trường, ĐDSH và quyền của người lao động trong các hoạt động lâm nghiệp; hỗ trợ/quản lý tốt sản phẩm đầu ra và nguồn gốc giống trồng rừng.

– **Tổng số hội viên:** 605 (đến tháng 4/2023)

– **Tổng diện tích đất của hội viên:** 5.029,42 ha

– **Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng:**

Năm 2010, với sự hỗ trợ kỹ thuật và kinh phí từ Sở NN&PTNT Quảng Trị, Chi cục LN Quảng Trị và Tổ chức WWF trong việc tư vấn hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ và đánh giá độc lập để cấp chứng chỉ, Nhóm chứng chỉ rừng Quảng Trị gồm 118 thành viên với 316,1 ha đã được cấp chứng chỉ QLRBV theo tiêu chuẩn FSC. Ngày 21/4/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị có quyết định số 715/QĐ-UBND về việc cho phép thành lập Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng tại Quảng Trị. Đến tháng 4/2023, Hội có 43 Chi hội với 605 hội viên và diện tích rừng được cấp CC là 5,029,42 ha, trong đó rừng trồng là 2.884,57 ha và 2.144,85 ha là rừng tự nhiên

2.4.2. Một số hoạt động nổi bật

2.4.2.1. Kỹ thuật lâm sinh

– Kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng trồng Keo

Các hoạt động lâm sinh của thành viên đều tuân thủ theo nguyên tắc của FSC, tuy nhiên Hội không ban hành quy trình kỹ thuật lâm sinh để tất cả các hội viên áp dụng cho trồng rừng, mà tùy thuộc lựa chọn theo kinh nghiệm và của các HGD hội viên. Hội tập huấn, giới thiệu các biện pháp kỹ thuật tiên tiến để hội viên tham khảo.

³ Thông tin do ông Mai Thanh Long cung cấp và tham khảo từ <http://hccrquangtri.org/>

Biện pháp kỹ thuật lâm sinh các thành viên áp dụng cho trồng rừng Keo: Phát sạch thực bì, không đốt; Cuốc hố thủ công hoặc máy, kích thước $\geq 30\text{cm} \times 30\text{cm} \times 30\text{cm}$; Bón lót phân NPK (5:10:3) với 0,2 kg/hố + 0,1 kg lân/hố. Mật độ 1.600-3.000 cây/ha. Chăm sóc 3 năm đầu bằng phát cỏ, kết hợp vun gốc, bón thúc 0,1 kg NPK (5:10:3)/cây vào thời điểm 2-3 và 14-16 tháng sau khi trồng; Tỉa cây đa thân để lại thân chính tại thời điểm chăm sóc năm 1 và 2. Tỉa cành tới 1/3 chiều cao của cây hoặc không tỉa; Tỉa thưa cây cong queo, cụt ngọn, sâu bệnh. Tất cả rừng trồng của hội viên trước năm 2022 đều trồng rừng gỗ lớn với chu kỳ 10 năm. Các hoạt động khai thác đều tuân thủ tiêu chuẩn FSC theo phương pháp tác động tấp và được giám sát chặt chẽ bởi Chi hội và BCH Hội.

- Kỹ thuật lâm sinh áp dụng cho rừng tự nhiên

Diện tích rừng tự nhiên do các cộng đồng thôn, bản quản lý. Biện pháp lâm sinh để phục hồi và phát triển rừng gồm bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng; trồng làm giàu rừng (gồm cả cây gỗ và lâm sản ngoài gỗ). Việc khai thác rừng tự nhiên chỉ áp dụng cho lâm sản ngoài gỗ gồm Mây và Tre là chính và một số loài khác như Trầu, Đốt, Len xanh, rau, nấm v.v. theo phương thức khai thác bền vững. Mây và Tre chỉ khai thác tối đa bằng 50 – 75% lượng tăng trưởng hàng năm của loài đó.



Ảnh: Mai Thanh Long

Hình 6: Rừng trồng 9 tuổi của hội viên Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị

2.4.2.2. Đổi mới mô hình kinh doanh

Khi tham gia CCR, tất cả các thành viên đều thay đổi từ trồng rừng cung cấp gỗ nhỏ thành trồng rừng gỗ lớn. Đồng thời, kỹ thuật lâm sinh cũng thay đổi theo như áp dụng tỉa cành và tỉa thưa. Việc thay đổi đó đã mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn thông qua việc tận dụng được thời gian Keo sinh trưởng nhanh nhất từ tuổi 3 - tuổi 8, đồng thời giá bán gỗ lớn cao hơn so với giá bán gỗ nhỏ. Tỉa thưa giúp HGD có thu nhập sớm, góp phần “lấy ngắn nuôi dài” để sản xuất gỗ lớn. Năng suất rừng gỗ lớn tăng 2-3 lần so với rừng gỗ nhỏ khi trồng rừng gỗ lớn với luân kỳ 9 năm so với trồng rừng gỗ nhỏ luân kỳ 5 năm. Tuy nhiên, sau năm 2022, do giá gỗ dăm tăng cao nên 1 số HGD đã trồng rừng gỗ nhỏ

2.4.2.3. Tập huấn nâng cao năng lực cho các hội viên

Tất cả các hội viên đều được tập huấn về QLRBV và CCR theo tiêu chuẩn FSC. Hàng năm, Hội tổ chức từ 20 – 25 lớp tập huấn cho các hội viên. Ngoài ra, các hội viên cũng có cơ hội tham quan, học tập mô hình trồng rừng thành công điển hình tại địa phương và các tỉnh lân cận.



Ảnh: Mai Thanh Long

Hình 7: Tập huấn QLRBV rừng tại Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị

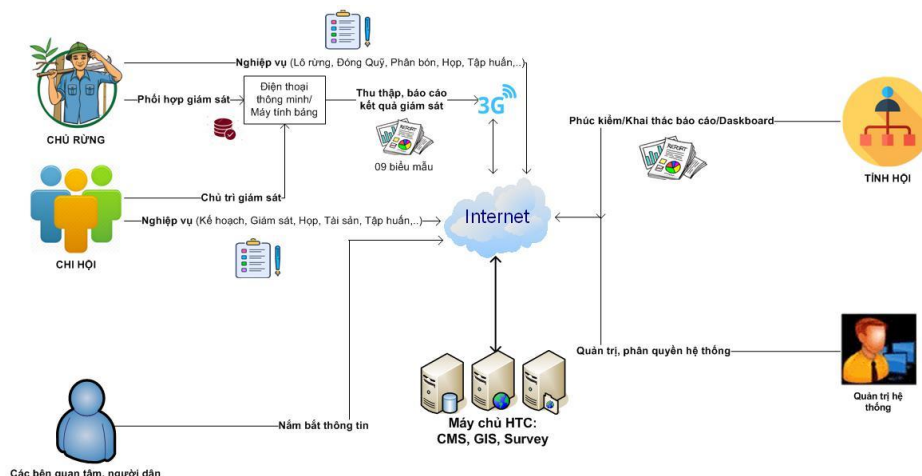
2.4.2.4. Sản xuất cây giống

Hội được Dự án PROSPER/MCNV hỗ trợ xây dựng 5 vườn ươm để sản xuất cây giống chất lượng cao với công suất trên 3 triệu cây/năm. Ngoài ra, các thành viên mua cây giống đã được công nhận TBKT và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Các giống/dòng Keo lai đang sản xuất chính gồm BV10; BV17, BV33, AH1, AH7.

2.4.2.5. Áp dụng công nghệ trong quản lý sản xuất lâm nghiệp

Hội xây dựng Phần mềm quản lý rừng với chức năng cơ các cấp khác nhau:

Cấp lô rừng: Cập nhật các các hoạt động trên lô. Cấp chủ rừng: Cập nhật các thông tin của chủ rừng và các hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Cấp Chi hội: Cập nhật thông tin của Chi hội và các hoạt động giám sát, tập huấn, quản lý tài sản. Cấp tỉnh hội: Cập nhật các thông tin như phúc kiểm, tổng hợp thông tin. Phần mềm được cài trong điện thoại để người dùng đồng bộ và chia sẻ thông tin.



Hình 8: Hoạt động của Phần mềm quản lý rừng của Hội các nhóm hộ có CCR Quảng Trị

2.4.2.6. Tiêu thụ sản phẩm

Hội ký thỏa thuận với Công ty Scansia Pacific về việc mua gỗ có chứng chỉ có giá cao hơn 15% so với gỗ không có chứng chỉ trên thị trường và hỗ trợ các HGD thuộc thành viên của Hội kinh phí đánh giá sự tuân thủ theo tiêu chuẩn FSC (khoảng 150 - 200 triệu đồng/năm). Hội ưu tiên bán gỗ cho các công ty trên địa bàn tỉnh như Công ty TNHH MTV gỗ Nguyễn Phong, Cty. TNHH MTV gỗ Mạnh Triều, Cty. TNHH MTV gỗ Thu Hằng và Cty. Cổ phần Tổng công ty thương mại Quảng Trị. Giá mua gỗ của các công ty trên được cập nhật thường xuyên trên trang web của Hội, các thành viên có thể lựa chọn để bán gỗ với giá hợp lý nhất.

2.4.2.7. Bình đẳng giới và quyền làm việc của người lao động

Khi Hội tuân thủ nguyên tắc về quyền của người lao động và điều kiện làm việc, cụ thể: nữ giới được tham gia tất cả các hoạt động do Hội tổ chức; trong hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ như trồng, chăm sóc và khai thác rừng, có điều khoản các đơn vị cung cấp dịch vụ phải trả tiền công bình đẳng cả nam và nữ, không sử dụng lao động bắt buộc, người lao động phải được cung cấp và sử dụng bảo hộ đảm bảo tiêu chuẩn trong quá trình làm việc.

2.4.3. Một số kết quả chính đạt được

- Kinh tế

Đối với rừng trồng, nhờ sử dụng cây giống tốt để trồng rừng và áp dụng các biện pháp lâm sinh nên năng suất rừng trồng gỗ lớn đạt 250-300 tấn/ha/chu kỳ 9 năm, gấp 2-3

lần so với sản xuất gỗ dăm chu kỳ 5 năm, chỉ đạt 80-100 tấn/ha/chu kỳ. Gỗ có CC FSC được bán cao hơn từ 10-15% và ổn định đầu ra cho sản phẩm.

Đối với rừng tự nhiên, do có kế hoạch khai thác bền vững lâm sản ngoài gỗ nên cộng đồng có thêm thu nhập, hàng năm lượng Mây khai thác khoảng 20-50 tấn tùy từng chi hội.

- Xã hội

Các hội viên tham gia được nâng cao nhận thức về QLRBV và CCR. Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đều được giám sát chặt chẽ nên hạn chế nguy cơ tiềm ẩn rủi ro trong an toàn lao động. Tạo sự kết nối cộng đồng trong sản xuất thông qua Chi hội, Hội. Việc tranh chấp đất, xâm lấn đai trong các thành viên của Hội cũng không xảy ra, vì Hội đều kiểm tra tình hình sử dụng đất trước khi có quyết định cho gia nhập Hội,

- Môi trường

Việc kinh doanh rừng gỗ lớn với luân kỳ khai thác trên 7 năm nên đất rừng có thời gian phục hồi, ít bị xáo trộn, giảm xói mòn, rửa trôi. Việc tuân thủ các nguyên tắc theo tiêu chuẩn FSC nên hạn chế tác động xấu đến môi trường trong quá trình sản xuất. Rừng tự nhiên cũng được bảo vệ tốt hơn nên nguồn nước được bảo vệ, đa dạng sinh học và cảnh quan trong vùng được giữ gìn.

2.5. QLRBV tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tiên Phong⁴

2.5.1. Thông tin chung

- **Địa chỉ:** xã Thủy Bằng – thành phố Huế – tỉnh Thừa Thiên Huế
- **Điện thoại:** 02343865905.
- **Web site:** <http://www.lamnghieptienphong.com.vn>
- **Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:** Trồng, khai thác, kinh doanh gỗ rừng trồng; Sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp, nông nghiệp, cây dược liệu, hoa và cây cảnh; Dịch vụ kỹ thuật lâm nghiệp.
- **Diện tích đất quản lý:** 4.799,6ha
- **Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng:**

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tiên Phong cam kết thực hiện chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn FSC năm 2015 với sự hỗ trợ kỹ thuật từ tổ chức WWF. Năm 2016, Công ty được cấp chứng chỉ cho 3.020 ha rừng sản xuất. Phương án quản lý rừng bền vững của Công ty được phê duyệt năm 2021.

⁴ Thông tin do ông Bình cung cấp và tham khảo từ <http://www.lamnghieptienphong.com.vn> và Phương án Quản lý rừng bền vững của Cty. TNHH MTV LN Tiên Phong

2.5.2. Một số hoạt động nổi bật

2.5.2.1. Kỹ thuật lâm sinh

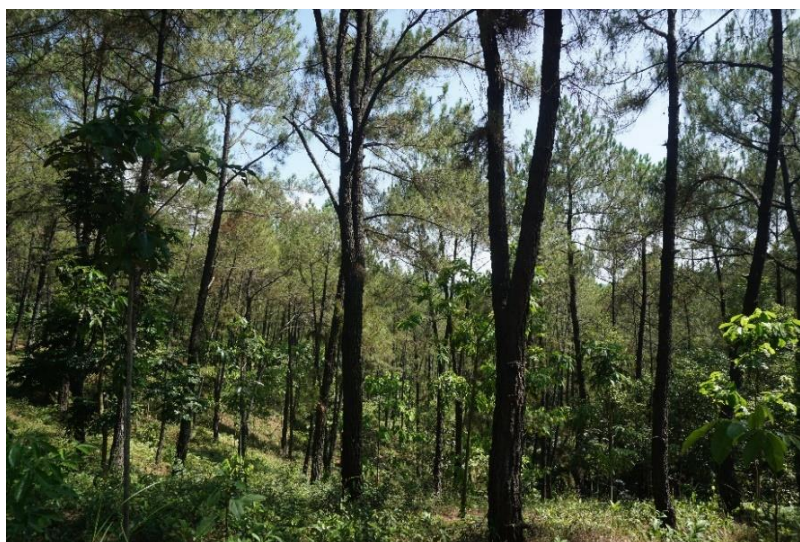
Đối với Keo lai: Công ty có 2 mô hình kinh doanh là gỗ nhỏ (chủ yếu là gỗ dăm) và gỗ lớn (gỗ đóng đồ gia dụng là chính):

- Rừng trồng trước 2015: Kinh doanh gỗ dăm là chính, chu kỳ 6 - 7 năm, mật độ 1.650 cây/ha, không tỉa thưa trong quá trình nuôi dưỡng.
- Rừng trồng từ 2016 (tham gia FSC): Kinh doanh gỗ gia dụng là chính, chu kỳ 9-10 năm, mật độ 1.330 cây/ha, không áp dụng tỉa thưa.

Trước khi trồng, thực bì được xử lý toàn diện bằng cách phát thủ công. Hạn chế đốt và chỉ áp dụng phương pháp đốt có kiểm soát nơi khó khăn (thực bì quá nhiều, độ dốc lớn). Đào hố kích thước 40 cm x 40 cm x 40 cm, không bón lót. Chăm sóc 3 năm sau khi trồng bằng cách phát cỏ và bón thúc 1 lần khi chăm sóc năm 1 với 100 g NPK (16:16:8).

Đối với Thông caribê: Kinh doanh nhựa hoặc gỗ lớn với chu kỳ 20 – 25 năm, mật độ 1.330 cây/ha. Các biện pháp kỹ thuật tương tự như với Keo lai. Một số diện tích Thông được trồng xen xây bản địa dưới tán tại các lỗ trống nhằm tăng sự đa dạng sinh học cho rừng trồng.

Khai thác theo phương pháp khai thác tác động thấp như FSC quy định.



Ảnh: @GIZ/Đặng Thịnh Triều

Hình 9: Cây bản địa trồng dưới tán rừng Thông của Cty. TNHH MTV LN Tiền Phong

2.5.2.2. Sản xuất cây giống

Công ty mua vật liệu giống gốc từ Viện Nghiên cứu giống và công nghệ sinh học lâm nghiệp, sau đó xây dựng vườn vật liệu để nuôi cây mô. Để đảm bảo chất lượng giống, vườn vật liệu chỉ sử dụng trong 18 tháng, sau đó thay giống gốc mới. Cây giống gốc được trồng với cự ly 20 cm x 20 cm. Các dòng của Keo lai gồm BV13; BV32; BV33; AH1; AH7 v.v.



Ảnh: @GIZ/Đặng Thịnh Triều

Hình 10: Phòng nuôi cấy mô của Cty. THHHNN MTV LN Tiền Phong

2.5.2.3. Quy hoạch vùng đai xanh

Để bảo vệ nguồn nước, bảo tồn đa dạng sinh học, Công ty dành 860,06 ha (17,5% tổng diện tích hoặc 28,5% diện tích đã được cấp chứng chỉ) để xây dựng vành đai xanh nhằm phục hồi và duy trì hệ sinh thái bản địa.

2.5.2.4. Đổi mới mô hình kinh doanh

Khi chuyển từ kinh doanh gỗ nhỏ sang sản xuất gỗ lớn, Công ty đã đẩy mạnh đổi mới kinh doanh để có nguồn thu bù cho việc kéo dài chu kỳ trồng rừng. Sản xuất cây giống được xác định là một trong những thế mạnh của Công ty. Hàng năm, Công ty sản xuất 15 triệu cây mô, trong đó 10 triệu cây mầm và 5 triệu cây đủ tiêu chuẩn trồng rừng. Nguồn thu từ sản xuất cây giống có thể đạt từ 20 – 30% tổng doanh thu của Công ty. Ngoài sản xuất các loài cây trồng rừng như Keo, Bạch đàn, cây rừng bản địa, Công ty còn mở rộng sản xuất các loài cây khác như Phong lan; Cây ăn quả và cây dược liệu vv...

2.5.2.5. Phát triển nhân lực

Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng rừng, cũng như phổ biến các kiến thức liên quan đến quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng cho những cán bộ liên quan.

Tổ nuôi cấy mô ban đầu chỉ có 5 người và chưa có chuyên môn về công nghệ sinh học nói chung và nuôi cấy mô nói riêng. Trong quá trình sản xuất, Công ty đã gửi cán bộ phụ trách nuôi cấy mô đến nhiều đơn vị có kinh nghiệm như Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học lâm nghiệp; Viện nguyên liệu giấy; trung tâm Ứng dụng Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp Nam Bộ vv.. để tham quan, học tập. Đến nay, Tổ nuôi cấy mô đã trở thành Trung tâm Khoa học kỹ thuật và Sản xuất Lâm – Nông nghiệp với 55 cán bộ, trong đó có 45 nữ giới (81,8%), đảm nhiệm việc sản xuất cây giống bằng với công nghệ tiên tiến, đặc biệt là nuôi cấy mô

2.5.2.6. Hợp tác với các bên

Công ty hợp tác với Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học - Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam để nghiên cứu, tạo bộ giống các dòng keo sinh trưởng nhanh và chất lượng gỗ tốt như Keo lá tràm; Keo tai tượng, Keo lai tam bội và xây dựng vườn giống đủ tiêu chuẩn được công nhận.

2.5.2.7. Chia sẻ lợi ích

Công ty tạo việc làm thường xuyên cho 300 lao động cả nam giới và phụ nữ là người địa phương. Hàng năm, Công ty hỗ trợ các phường, xã trên địa bàn các hoạt động từ thiện cho các đối tượng là người yếu thế như người nghèo, cô đơn; tặng giống cây; hỗ trợ kinh phí làm đường, nhà văn hóa thôn vv. Tổng kinh phí cho các hoạt động trên khoảng 300 triệu đồng/năm.

2.5.3. Một số kết quả chính đạt được

Thành tựu đạt được rõ nhất trong thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng của Công ty TNHH MTV LN Tiên Phong là nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc sản xuất lâm nghiệp nhưng hài hòa cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Do rừng trồng theo tiêu chuẩn FSC chưa được khai thác nên chưa đánh giá được hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên việc tuân thủ các nguyên tắc về môi trường được Công ty thực hiện nghiêm túc. Toàn thể cán bộ, nhân viên đều tìm thấy được niềm vui trong công việc, vì vậy đã thay đổi tư duy, nhận thức so với trước khi tham gia thực hiện chứng chỉ rừng.

2.6. QLRBV tại Hội chủ rừng PTBV tỉnh Thừa Thiên Huế⁵

2.6.1. Thông tin chung

- **Địa chỉ:** 2/57 Hai Bà Trưng – phường Vĩnh Ninh – thành phố Huế
- **Điện thoại:** 0234.3813933
- **Web site:** <https://fosda.thuathienhue.gov.vn>
- **Hoạt động của Hội:** Là tổ chức xã hội – nghề nghiệp của những HGD trồng rừng quy mô nhỏ và những người hoạt động trong lĩnh vực Lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Hội đại diện và hỗ trợ các HGD trong hoạt động cấp chứng chỉ rừng, duy trì và mở rộng số hộ, diện tích được cấp CCR. Hỗ trợ các Chi hội chủ rừng thuộc TTH-FOSDA thành lập Hợp tác xã Lâm nghiệp bền vững.
- **Thực hiện chứng chỉ rừng:**

⁵ Thông tin do các ông Võ Văn Dự, Hồ Đa Thế, Nguyễn Việt Lan và Đặng Văn Nông cung cấp và tham khảo từ <https://fosda.thuathienhue.gov.vn>

Năm 2016, Hội được thành lập với 14 Chi hội, 241 thành viên với diện tích tham gia chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn FSC là 950,96 ha. Đến năm 2023, Hội có 54 Chi hội, 956 thành viên, diện tích rừng tham gia chứng chỉ FSC là trên 6.600 ha.

2.6.2. Một số hoạt động nổi bật

2.6.2.1. Kỹ thuật lâm sinh

Hội không quy định các thành viên thực hiện biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo bất kỳ quy trình nào, tuy nhiên Hội có khuyến cáo và khuyến khích hội viên áp dụng những biện pháp lâm sinh được coi là tiến bộ trong trồng rừng sản xuất. Tất cả các khâu trong sản xuất lâm nghiệp đều được thực hiện và giám sát theo tiêu chuẩn FSC.

Để các HGD có thể học hỏi và lựa chọn biện pháp kỹ thuật tốt nhất, trước hết thành viên Ban chấp hành áp dụng những biện pháp kỹ thuật tiên tiến để trồng rừng cho gia đình mình, sau khi thấy có hiệu quả tốt hơn so với các biện pháp kỹ thuật truyền thống thì các hội viên học tập làm theo.

Ban đầu, hầu hết các hộ trồng rừng theo thói quen (đốt thực bì toàn diện; mua giống không quan tâm chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ; trồng dày > 3.300 cây/ha; không tỉa thưa và chu kỳ kinh doanh ngắn vv..). Sau khi thấy rừng của các Thành viên BCH hoặc những hộ đã áp dụng tiến bộ kỹ thuật (xem chi tiết phía dưới) để trồng rừng cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng rừng theo thói quen, nhiều HGD đã thay đổi thói quen để trồng rừng mang lại năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao hơn.

Một số biện pháp kỹ thuật thành viên Hội đang áp dụng trong trồng rừng sản xuất: Không đốt hoặc đốt thực bì có kiểm soát; Mua giống cây có đặc điểm sinh trưởng phù hợp với điều kiện khí hậu của địa phương và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng như Keo lai các dòng BV16; BV32; BV33; AH1, Keo lá tràm các dòng A1; A9. Mật độ từ 2.500-3.600 tùy mục tiêu kinh doanh và đặc điểm đất (đất tốt thì trồng thưa, đất xấu thì trồng dày hơn); Bón lót 100-150 g phân NPK 5:10:3 hoặc 16:16:8/cây. Bón thúc 6-10 tháng sau khi trồng với lượng tương tự bón lót. Nếu rừng sinh trưởng đồng đều, bón thúc cho tất cả các cây. Nếu rừng sinh trưởng không đều, chỉ chọn cây xấu hơn để bón thúc. Tỉa thưa nếu có điều kiện phù hợp (kinh tế; đất tốt) và chu kỳ kinh doanh linh hoạt theo mục tiêu trồng rừng (trồng rừng gỗ lớn thì tỉa thưa, trồng rừng gỗ nhỏ không tỉa). Tỉa thưa từ 1-3 lần tùy từng HGD: lần 1 ở tuổi 4, tỉa 30% số cây; lần 2 ở tuổi 5 với 30% số cây; lần 3 ở tuổi 6, tỉa thưa để lại 1.100 cây/ha. Khai thác trắng từ tuổi 7 -10 tùy từng HGD.

Ngoài trồng Keo, thành viên của Hội cũng trồng cây bản địa như Giổi xanh, Chò chỉ, Lim xanh, Sến trung, Gụ lau, Trám đen, Trám trắng vv... Các loài này thường được trồng phân tán làm ranh giới giữa các hộ, vừa tận dụng đất đai, vừa làm ranh giới tránh hiện tượng xâm lấn, tranh chấp đất đai mà sau này lại có gỗ lớn để khai thác.



Xử lý thực bì không đốt để trồng rừng



Rừng sau khi tỉa thưa

Ảnh Võ Văn Dự

Hình 11: Rừng trồng của hội viên TTH-FOSDA

2.6.2.2. Đổi mới mô hình kinh doanh

Trước đây, hầu hết các HGD trồng rừng gỗ nhỏ luân kỳ 3 – 4 năm. Sau khi tham gia Hội, nhiều thành viên đã trồng rừng gỗ lớn luân kỳ 7-8 năm. Năng suất rừng trồng 4 năm đạt từ 80 – 100 tấn/ha, nhưng năng suất rừng trồng 7 năm đạt 200 – 230 tấn/ha. Ngoài giá bán gỗ lớn đắt hơn gỗ nhỏ, gỗ lớn được bán cả vỏ, trong khi gỗ nhỏ phải bóc vỏ trước khi bán (vỏ chiếm khoảng 10% sinh khối thân cây). Áp dụng phương pháp tỉa thưa những cây xấu, sâu bệnh hoặc đổ gãy. Có thể tỉa thưa 2 lần: lần 1, tỉa 30% số cây khi rừng 4 tuổi; lần 2, tỉa 30% khi rừng 5 tuổi. Dự tính khoảng 10% số cây sẽ bị đổ gãy hoặc chết trong thời gian còn lại, khi khai thác còn lại 30% số cây so với khi trồng. Những nơi đất bằng phẳng, thuận tiện giao thông, tỉa thưa giúp HGD có thêm khoảng 50 triệu đồng/ha sau khi trừ chi phí.

2.6.2.3. Học tập, chia sẻ kinh nghiệm nâng cao nhận thức của hội viên

Với phương châm “Kế hoạch triển khai thực hiện đi từ dưới lên”, Hội tôn trọng quyết định của các thành viên trong việc lựa chọn biện pháp kỹ thuật trong trồng rừng. Nhưng để nâng cao nhận thức, cũng như giúp thành viên tiếp cận được với các tiến bộ kỹ thuật. Hội luôn phổ biến cũng như cập nhật bổ sung các tiến bộ kỹ thuật trên trang web của Hội để các thành viên tham khảo, học tập.

Hội thường xuyên tổ chức các hội thảo đầu bờ để các hội viên học tập từ những mô hình trồng rừng thành công điển hình. Từ năm 2016 đến nay, Hội đã tổ chức trên 20 cuộc Hội thảo đầu bờ với thành phần là các hội viên, trong đó có cả nữ giới và nam giới cùng tham gia. Đại biểu tham dự được giới thiệu, hướng dẫn kỹ thuật sao cho trồng rừng đạt năng suất, chất lượng cao. Không chỉ tổ chức, Hội còn xin kinh phí từ các nhà tài trợ để cung cấp xe đi miễn phí cho các thành viên tham gia hội thảo.

Hội cũng tổ chức tập huấn sử dụng máy tính bảng và phần mềm Quản lý rừng cho một số cộng đồng nhằm trang bị kiến thức và năng lực trong việc quản lý, bảo vệ rừng.

2.6.2.4. Hợp tác với các bên và tiêu thụ sản phẩm

Để duy trì và mở rộng diện tích tham gia CCR cũng như nâng cao năng suất, chất lượng rừng và đảm bảo đầu ra cho sản phẩm gỗ rừng trồng. Hội đã hợp tác với nhiều đối tác khác nhau: Hợp tác với Chi cục Kiểm lâm Thừa Thiên Huế trong việc hỗ trợ kỹ thuật để duy trì và mở rộng diện tích rừng tham gia FSC và hỗ trợ tăng cường năng lực trong việc tham gia CCR. Đối với Phòng Nông nghiệp của các huyện trên địa bàn như Phú Lộc, Nam Đông và Phong Điền, Hội hợp tác trong việc rà soát, đánh giá diện tích rừng trồng sản xuất hiện có để xác định diện tích rừng có thể chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn và tham gia FSC cũng như thí điểm tham gia bảo hiểm rừng trồng.

Hội ký cam kết với Công ty Scansia Pacific về tiêu thụ sản phẩm gỗ lớn với giá cao hơn 10-15% so với thị trường, hơn nữa Công ty Scansia Pacific còn hỗ trợ các chủ rừng kinh phí thuê tư vấn đánh giá sự tuân thủ theo tiêu chuẩn FSC để cấp chứng chỉ. Với Tập đoàn IKEA, Hội ký cam kết ưu tiên bán sản phẩm gỗ lớn và IKEA sẽ hỗ trợ chủ rừng kinh phí tỉa thưa hoặc tỉa cành rừng trồng. Hội cũng cam kết với Công ty TNHH Năng lượng xanh Đông Hà để hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu gắn với CCR; Liên kết thị trường đầu vào và đầu ra để tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng nhằm nâng cao giá trị gỗ ổn định, lâu dài cho các hội viên.

2.6.3. Một số kết quả chính đạt được

Với sản phẩm gỗ lớn và gỗ dăm rừng trồng có chứng chỉ FSC, các Hội viên đã bán sản phẩm với giá cao hơn thị trường 15-20%.

Hội viên được hỗ trợ kỹ thuật nên rừng ngày càng tăng năng suất và chất lượng. Rừng của các hội viên được nhiều tổ chức, dự án đến tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm, cũng như đồng hành tài trợ cho các hoạt động tiềm năng, chiến lược của TTH-FOSDA.

Các hội viên ngày càng có ý thức bảo vệ môi trường. Ngoài việc tuân thủ nguyên tắc theo FSC, các thành viên không sử dụng túi ni lon, chất dẻo sử dụng 1 lần; không sử dụng các loại thuốc BVTV, thuốc trừ cỏ nằm ngoài danh mục được phép sử dụng.

Kết quả đạt được trên đã tạo niềm tin vững chắc cho các thành viên, thu hút người dân và cộng đồng tham gia, số chi hội và thành viên tham gia ngày càng tăng.

2.7. QLRBV tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn⁶

2.7.1 Thông tin chung

- **Địa chỉ:** Số 1134 Hùng Vương, TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- **Điện thoại:** 02563848911.
- **Web site:** <http://lamnghiepquynhon.com/>

⁶ Thông tin do ông Nguyễn Hoài Nam cung cấp và tham khảo từ <http://lamnghiepquynhon.com/> và Phương án Quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH HTV Lâm nghiệp Quy Nhơn.

– **Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:** Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ; Chế biến gỗ và lâm sản khác; Kinh doanh giống cây trồng vv..

– **Diện tích đất quản lý:** 8.455,99 ha

2.7.2. Quá trình thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng

Năm 2018, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Quy Nhơn bắt đầu cam kết tham gia CCR theo tiêu chuẩn FSC. Đến ngày 18/12/2020, Công ty được cấp chứng chỉ cho 4.183,6 ha trên tổng số 8.445,44 ha rừng và đất rừng của Công ty đang quản lý và sử dụng. Phương án quản lý rừng bền vững của Công ty được phê duyệt năm 2020.

2.7.2. Một số hoạt động nổi bật

2.7.2.1. Kỹ thuật lâm sinh

Công ty xây dựng các quy trình và hướng dẫn kỹ thuật từ sản xuất cây giống, xử lý thực bì, trồng, chăm sóc nuôi dưỡng rừng Keo lai và Bạch đàn theo văn bản pháp quy và hướng dẫn của Bộ NN&PTNT. Thực bì được xử lý toàn diện bằng phương pháp thủ công, sau đó gom thành đống nhỏ và đốt có kiểm soát. Đất được cuốc hố 30cm x 30cm x 30cm, mật độ 2.000-2.500 cây/ha. Bón lót 0,2 kg phân vi sinh/hố. Sau khi trồng 10-15 ngày, nếu phát hiện Mối xâm hại cây thì dùng thuốc diệt Mối. Chăm sóc 5 lần trong 4 năm (năm thứ 2 chăm sóc 2 lần) bằng cách phát cỏ và xới, vun đất. Bón lót 0,1 kg NPK vào lần chăm sóc 2. Việc tỉa cành (rong cành) được thực hiện vào cuối năm 2 hoặc 3 sau khi trồng, cành được tỉa đến dưới $\frac{1}{2}$ chiều cao cây. Công ty không áp dụng biện pháp tỉa thưa (trừ trường hợp chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn).

Công ty bắt đầu trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn năm 2016. Hiện nay Công ty có 818 ha rừng trồng gỗ lớn, trong đó 629 ha rừng trồng mới và 189 ha rừng chuyển hóa. Trồng rừng gỗ lớn và chuyển hóa chỉ áp dụng nơi có điều kiện phù hợp (tầng đất dày > 50cm, gió dưới cấp 6). Xử lý thực bì như trồng rừng gỗ nhỏ. Mật độ 1.333 – 1.600 cây/ha. Bón lót 0,2 – 0,3 kg/hố phân NPK (5:10:3) hoặc 0,3 – 0,5 kg/hố phân vi sinh. Chăm sóc rừng 3 năm bằng cách phát cỏ và xới vun gốc rộng 60 - 80 cm. Bón thúc năm 2 và 3 với 0,2 kg/cây phân NPK. Tỉa cành tới dưới 1/3 chiều cao cây và tỉa cây đa thân ở năm 2 và 3. Tỉa thưa lần 1 khi rừng 4 - 5 tuổi, để lại 900 – 1.000 cây/ha. Tỉa thưa lần 2 khi rừng 7 – 8 tuổi, để lại 600 – 700 cây/ha. Tỉa những cây có chất lượng kém, bị sâu bệnh hại, bị chèn ép, bị cụt ngọn, không có triển vọng cung cấp gỗ lớn. Luân kỳ khai thác là 7 – 8 năm với rừng trồng gỗ nhỏ và 10 – 12 năm với rừng trồng gỗ lớn.



Ảnh: Nguyễn Hoài Nam

Hình 122: Đánh giá sinh trưởng rừng trồng gỗ lớn của Cty. TNHH LN Quy Nhơn
Hình 13: Mô hình chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn của Cty. TNHH LN Quy Nhơn

2.7.2.2. Sản xuất cây giống

Sản xuất cây giống trong vườn ươm được quản lý theo 2 nội dung là Chuỗi hành trình và Quá trình sản xuất cây giống. Các nội dung trên được hướng dẫn chi tiết từng bước từ việc đăng ký đủ điều kiện để sản xuất, kinh doanh đến các bước để có thể sản xuất cây giống đủ tiêu chuẩn xuất vườn. Vì vậy, tất cả các lô cây giống đều được Chi cục Kiểm lâm tỉnh kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con. Nguồn giống Công ty hiện có gồm hơn các dòng Keo lai BV10, BV16, BV32, BV33, BV71, BV73, BV75 và ngân hàng giống cây mô các dòng Keo lai BV10, BV16, BV32, BV33, BV71, BV73, BV75, Bạch đàn lai các dòng UP35, UP54, UP99. Hàng năm, Công ty có thể sản xuất 5 triệu cây giống hơn và mô các loại.

2.7.2.3. Đổi mới mô hình kinh doanh và thu hút đầu tư

Công ty đã thay đổi mô hình kinh doanh và thu hút đầu tư bằng nhiều phương thức khác nhau (Hình 15)



Hình 14: Mô hình kinh doanh và thu hút đầu tư của Cty. TNHH MTV LN Quy Nhơn

2.7.2.4. Phát triển nhân lực

Hàng năm đào tạo ngắn hạn và dài hạn chuyên môn về chuyên môn, nghiệp vụ. Năm 2021 – 2022, Công ty mở lớp đào tạo văn bằng 2 về Kỹ sư Lâm sinh cho một số cán bộ chủ chốt, trong đó 20% là nữ giới.

Toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty đều được tham gia khóa tập huấn về QRVB và CCR. Ngoài ra, để nâng cao năng lực trong sự phối hợp giữa các bên liên quan, Công ty thuê tư vấn tập huấn về QLRBV và CCR cho chính quyền các xã, cán bộ khuyến nông, kiểm lâm và các đoàn thể, trong đó cả nam giới và nữ giới đều được tham gia một cách bình đẳng.

2.7.2.5. Hợp tác với các bên

Công ty đã phối hợp với các đơn vị trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam trong công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lâm nghiệp thông qua việc khảo nghiệm các giống Keo mới và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong trồng rừng keo thâm canh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng ở Bình Định. Công ty đã triển khai xây dựng khảo nghiệm các giống và xây dựng vườn giống cho các loài Keo lai, Keo lá tràm, thông Caribe...và ký kết thỏa thuận hợp tác liên doanh, liên kết...với Viện nghiên cứu Giống và công nghệ sinh học Lâm nghiệp để sản xuất cây giống chất lượng cao bằng phương pháp nuôi cấy mô.

2.7.2.6. Vấn đề bình đẳng giới

Để đảm bảo vấn đề bình đẳng giới, Công ty ban hành Quyết định quy định số 178/QĐ-LNQN, ngày 24 tháng 6 năm 2020, về việc ban hành Quy định về bình đẳng giới và giải quyết việc làm trong Công ty, trong đó quy định nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực và hưởng thụ thành quả lao động như nhau. Tỷ lệ công nhân viên là nữ chiếm từ 30% trở lên và từ 15% trở lên ở vị trí lãnh đạo.

2.7.2.7. Chia sẻ lợi ích

Công ty giao khoán diện tích rừng trồng sản xuất với 273,04 ha cho 52 hộ gia đình theo phương thức ăn chia sản phẩm khi khai thác là 60 % HGD được hưởng và 40 Công ty được hưởng theo giá trị góp vốn đầu tư. Hàng năm, Công ty dành trên 200 triệu đồng làm công tác xã hội như hỗ trợ chính quyền và cộng đồng địa phương trong việc xây dựng các công trình công cộng và hoạt động từ thiện, tình nghĩa cho các nhóm yếu thế như người nghèo, người già neo đơn vv..

2.7.2.8. Một số kết quả chính đạt được

- Kinh tế

Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng của Công ty tăng bình quân 4%/năm; Doanh thu tăng bình quân 3%/năm; Lợi nhuận bình quân tăng 3%/năm. Thu nhập của người lao động thường vượt kế hoạch và năm sau cao hơn năm trước.

- Xã hội

Tạo công ăn việc làm cho 90 lao động thường xuyên và khoảng 800 người lao động thời vụ. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho 52 HGD nhận khoán đất rừng. Việc áp dụng các tiêu chuẩn trong QLRBV và CCR góp phần mang lại an toàn lao động cho người lao động, quyền lợi của người lao động cũng được đảm bảo, đồng thời tăng cường mối quan hệ và phối hợp với chính quyền địa phương. Năng lực của cán bộ, công nhân viên của Công ty cũng được nâng cao trong quá trình thực hiện QLRBV và CCR.

- Môi trường

Công ty quản lý, sử dụng hiệu quả 8.294,31 ha rừng và đất rừng, trong đó có 4.766,71 ha rừng phòng hộ, 1.436,33 ha rừng đặc dụng góp phần duy trì, phát triển đa dạng sinh học và nâng cao khả năng phòng hộ của rừng. Đối với 1.307,44 ha rừng trồng sản xuất, Công ty áp dụng các biện pháp cải tạo đất, chống xói mòn thông qua các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, đồng thời hạn chế những rủi ro tới môi trường trong quá trình sản xuất.



©GIZ/ Phan Nhật Anh

3. Một số khó khăn khi thực hiện QLRBV & CCR

- Thị trường lâm sản bấp bênh, không nhiều khách hàng cần mua gỗ có chứng chỉ, có chủ rừng chỉ bán được 8-10% gỗ có chứng chỉ. Các sản phẩm ngoài gỗ như nhựa thông, Trầu, Đốt, Len xanh, rau, nấm vv... giá bán không khác nhau giữa có và không có chứng chỉ rừng.
- Sản xuất lâm nghiệp, đặc biệt trồng rừng thường gặp nhiều rủi ro như gió bão, sâu bệnh hại, cháy rừng vv.. Vì vậy, kế hoạch QLRBV&CCR có thể không đạt được do khách quan mang lại.
- Giá gỗ có chứng chỉ cao hơn giá gỗ thường không đáng kể, do đó không bù đắp được chi phí để thực hiện CCR.
- Các chủ rừng thiếu vốn cho sản xuất, đặc biệt cho trồng rừng gỗ lớn theo hướng bền vững với luân kỳ dài.
- Đối với các hội, thành viên thường không ổn định, mặc dù số hội viên tăng trong thời gian qua, nhưng có không ít hội viên xin ra khỏi hội với nhiều lý do khác nhau như không đáp ứng được tiêu chí của CCR, không đủ vốn để sản xuất như kế hoạch đã cam kết khi tham gia CCR, chủ động bỏ cam kết để chạy theo lợi nhuận trước mắt vv..
- Quản lý rừng bền vững và CCR chưa thực sự được xem là một nhiệm vụ chính trị tại một số địa phương, vì vậy việc vận động người dân tham gia QLRBV&CCR gặp nhiều khó khăn.
- Chi phí để thực hiện và duy trì CCR cao, vì vậy nhiều chủ rừng chỉ tham gia CCR khi có hỗ trợ tài chính và kỹ thuật, khi hết hỗ trợ thì không duy trì được CCR.

- Để thực hiện QLRVB&CCR, cần rất nhiều giấy tờ và thủ tục, vì vậy rất khó khăn cho các chủ rừng, đặc biệt các chủ rừng là HGD, cá nhân.
- Việc áp dụng công nghệ trong quản lý còn rất hạn chế, vì vậy mất nhiều công sức cho việc quản lý, giám sát trong quá trình thực hiện QLRVB&CCR.
- Đối với các Hội chủ rừng, diện tích của các thành viên thường nhỏ và phân tán, vì vậy mất nhiều công sức trong quá trình giám sát.
- Trình độ nhận thức về QLRVB&CCR còn nhiều hạn chế, đặc biệt với các chủ rừng là HGD, cá nhân thành viên của các Hội/nhóm chủ rừng. Vì vậy, đôi khi trong thực hiện QLRVB&CCR còn mang tính đối phó.
- Chính sách cho việc thực hiện QLRVB&CCR chưa thực sự đi vào sản xuất, hơn nữa một số chính sách chưa cụ thể được đối tượng được hưởng, thủ tục còn phức tạp nên các địa phương rất khó khi áp dụng.
- Việc kiểm soát gỗ có chứng chỉ chưa thật sự tốt, vì vậy vẫn còn tình trạng làm sai lệch hồ sơ để bán gỗ không có chứng chỉ thành gỗ có chứng chỉ.



©GIZ/ Phan Nhật Anh

4. Bài học kinh nghiệm

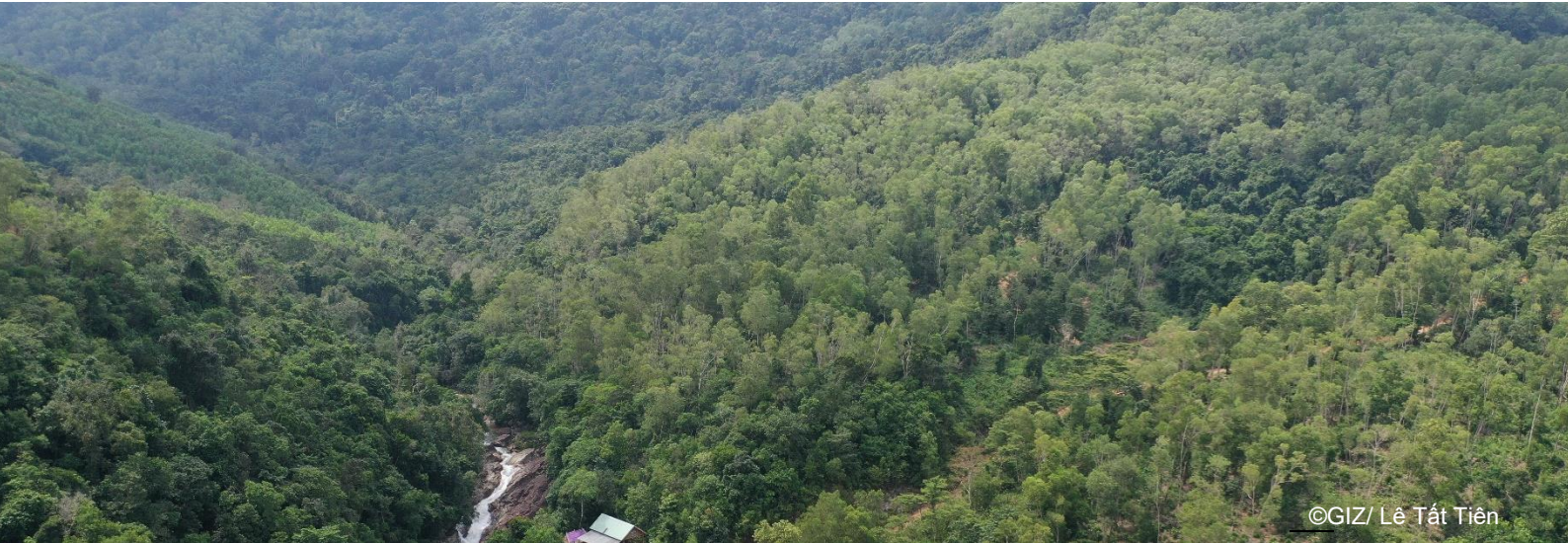
- Tham gia và duy trì QLRBV và CCR, hầu hết các chủ rừng đều xác định đây là một xu thế tất yếu trong tương lai, khi mà chỉ sản phẩm gỗ có chứng chỉ mới có thị trường rộng rãi và ổn định, vì vậy QLRBV và CCR là mục đích mà các chủ rừng hướng tới trong sản xuất lâm nghiệp.

- Để khắc phục những khó khăn ban đầu do tăng chi phí khi tham gia CCR, đổi mới mô hình kinh doanh được coi là một trong những giải pháp quan trọng, điều đó giúp chủ rừng có thêm nhiều nguồn thu khác nhau. Một số mô hình kinh doanh mới giúp chủ rừng nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, đồng thời rút ngắn thời gian thu hồi vốn so với trồng rừng truyền thống.

- Giám sát là vấn đề then chốt để đạt được và duy trì QLRBV và CCR, việc giám sát chặt chẽ và kịp thời khắc phục những vấn đề thiếu sót trong quá trình sản xuất là một trong những nhân tố quan trọng quyết định thành công của QLRBV&CCR.

- Việc phối hợp với các bên để cải thiện và nâng cao chất lượng cây giống cũng như ổn định đầu ra và giá cả cho sản phẩm cũng rất quan trọng. Kết quả của sự phối hợp giúp rừng đạt năng suất, chất lượng cao hơn, sản phẩm làm ra có nơi tiêu thụ.

- Để có thể tham gia QLRVB và CCR, cần có sự hỗ trợ về cả chủ trương, chính sách ở các cấp chính quyền, đồng thời hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ chính phủ Việt Nam và các nước cũng như các tổ chức trong và ngoài nước.



5. Kiến nghị

- Cần tăng cường chính sách hỗ trợ các chủ rừng tham gia chứng chỉ rừng, trong đó có cả hỗ trợ tài chính và nâng cao năng lực.
- Có cơ chế riêng cho gỗ có chứng chỉ để khuyến khích chủ rừng tham gia sản xuất theo hướng bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường.
- Cần áp dụng công nghệ và chuyển đổi số mạnh mẽ để thuận tiện hơn trong việc quản lý.
- Nên xây dựng các tiêu chuẩn QLR và CCR sát hơn với điều kiện thực tế của Việt Nam nhưng vẫn đảm bảo về kinh tế, xã hội và môi trường trong sản xuất lâm nghiệp.
- Cần kiểm soát chặt chẽ đầu vào và đầu ra của gỗ có chứng chỉ.

Tài liệu tham khảo

Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh. 2019. Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2019 – 2028.

Ban quản lý rừng phòng hộ Lang Chánh. 2021. Đề án “Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong RPH của Ban quản lý RPH Lang Chánh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Quy Nhơn. 2020. Thuyết minh phương án quản lý rừng bền vững Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn giai đoạn 2020 – 2026.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước Một thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong. 2018. Phương án quản lý rừng bền vững.

Hội các nhóm có chứng chỉ rừng Quảng Trị. 2022. Phương án quản lý rừng bền vững – Hội các nhóm có chứng chỉ rừng Quảng Trị.

WWF - Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên. 2022. Báo cáo rà soát và đánh giá để cải thiện mô hình FSC đối với nhóm hộ quy mô nhỏ tại tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam.

Các trang web:

- <http://lamnghiepyenthe.com>
- <http://www.lamnghieptienphong.com.vn>
- <http://lamnghiempquynhon.com>
- <https://fosda.thuathienhue.gov.vn/>
- <http://hccrquangtri.org/>

Dự án “Nhân rộng quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng”

Phòng 021, tòa nhà số 2
Số 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

T 0243 728 6279

I <https://snrd-asia.org/sustainable-forest-management/>

